

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 918/TC-QĐ-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Bảng giá mua tối thiểu tại cửa khẩu để tính thuế nhập khẩu

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ thẩm quyền và nguyên tắc định giá tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định tại Điều 7 Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Phần II, Thông tư số 72A/TC-TCT ngày 30/8/1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ;

Căn cứ điểm c, Điều 5, Quyết định số 752/TTg ngày 28/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều hành công tác xuất nhập khẩu năm 1995;

Sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan và các Bộ, ngành có liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Danh mục các mặt hàng thuộc diện Nhà nước quản lý giá tính thuế nhập khẩu và Bảng giá mua tối thiểu tại cửa khẩu đối với các mặt hàng thuộc diện Nhà nước quản lý giá tính thuế (ban hành kèm theo Quyết định này) để cơ quan thu thuế làm căn cứ xác định giá tính thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu không đủ điều kiện xác định giá tính thuế theo hợp đồng; hoặc đối với hàng hoá nhập khẩu theo phương thức khác không phải là mua bán, không thanh toán qua Ngân hàng.

Đối với những mặt hàng có giá ghi trong hợp đồng cao hơn Bảng giá tính thuế tối thiểu quy định, thì giá tính thuế vẫn phải áp dụng theo giá ghi trên hợp đồng mua bán ngoại thương.

Điều 2: Những trường hợp có đủ điều kiện xác định giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng ngoại thương quy định cụ thể tại Thông tư số 82/1997/TT/BTC ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Bộ Tài chính thì được áp dụng giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng ngoại thương.

Điều 3: Bộ Tài chính uỷ quyền cho Tổng cục Hải quan xây dựng và ban hành quyết định giá tính thuế nhập khẩu trong các trường hợp sau đây:

1/ Tổng cục Hải quan căn cứ vào sự biến động giá nhập khẩu thực tế so với mức giá tối thiểu được phép điều chỉnh giá tính thuế nhập khẩu trên dưới 10% (mười phần trăm), riêng ô tô trên dưới 5% (năm phần trăm) của từng mặt hàng trong Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này để áp dụng thống nhất. Trường hợp có sự biến động tăng hoặc giảm giá thực tế lớn, vượt quá tỷ lệ quy định nêu trên hoặc trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức giá quy định tại Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này thì Cục Hải quan địa phương kịp thời báo cáo Tổng cục Hải quan để Tổng cục Hải quan tập hợp báo cáo Bộ Tài chính để Bộ Tài chính ra quyết định sửa đổi, bổ sung.

2/ Đối với những mặt hàng không thuộc Danh mục nhóm mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế, không đủ điều kiện áp dụng giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng theo Điều 2 Quyết định này hoặc hàng hoá nhập khẩu theo phương thức khác không phải là mua bán, không thanh toán qua Ngân hàng thì Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo về Tổng cục Hải quan để tập hợp xem xét ra quyết định ban hành Bảng giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu trên cơ sở thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính.

Điều 4: Trường hợp nhập khẩu những mặt hàng thuộc Danh mục các nhóm mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế nhưng là loại hàng mới phát sinh chưa được quy định tại Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này hoặc những mặt hàng không thuộc danh mục nhóm mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu chưa được quy định tại Bảng giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu do Tổng cục Hải quan ban hành thì doanh nghiệp, đơn vị tự kê khai giá tính thuế. Cơ quan Hải quan tính thuế theo giá tự kê khai của doanh nghiệp, đơn vị; đồng thời Cục Hải quan địa phương tập hợp báo cáo (trong đó có kiến nghị mức giá tối thiểu) gửi Tổng cục Hải quan và Bộ Tài chính; trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, Tổng cục Hải quan có ý kiến chỉ đạo mức giá tính thuế cụ thể để áp dụng thống nhất. Việc áp dụng mức giá tính thuế xây dựng kể từ ngày chỉ đạo và Tổng cục Hải quan tập hợp ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Bảng giá tối thiểu sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính.

Đối với doanh nghiệp, đơn vị được quyền tự kê khai giá tính thuế nhập khẩu phải cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm về bảo đảm tính trung thực, chính xác của giá kê khai; trường hợp nếu phát hiện có hành vi man khai sẽ bị truy thu đủ thuế nhập khẩu và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt từ 2 đến 5 lần số thuế gian lận.

Điều 5: Giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu đã qua sử dụng được phép nhập khẩu bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá hàng mới cùng chủng loại. Những mặt hàng trên thực tế không có giá hàng mới cùng chủng loại thì căn cứ theo loại hàng mới tương đương để tính.

Điều 6: Trong trường hợp đặc biệt, đối với một số mặt hàng nhạy cảm, thường xuyên biến động về giá mua, giá bán trên thị trường, Bộ Tài chính thống nhất ý kiến với Tổng cục Hải quan để xem xét xử lý kịp thời đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 7: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 1997 và thay thế Quyết định số 975 TC/QĐ/TCT ngày 29/10/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

DANH MỤC

CÁC MẶT HÀNG NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ GIÁ TÍNH THUẾ NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 918 TC/QĐ/TCT ngày 11/11/1997

của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- 1- Sữa bột, sữa đặc, sữa tươi
- 2- Bột mỳ, bột dinh dưỡng chế biến từ ngũ cốc, thức uống bổ dưỡng
- 3- Dầu thực vật các loại
- 4- Bột ngọt (mỳ chính)
- 5- Đường, bánh kẹo
- 6- Đồ uống các loại
- 7- Xi măng
- 8- Sơn các loại

9- Dầu gội đầu, xà phòng

10- Plastic và các sản phẩm bằng Plastic, gồm:

+ Tấm lợp bằng nhựa

+ Bộ cửa ra vào, cửa sổ bằng nhựa

+ Tấm ốp trần bằng nhựa

+ Màng mỏng làm bao bì

11- Săm, lốp, yếm xe

12- Giấy các loại, gồm: Các mặt hàng thuộc các nhóm mã số từ 4801 đến 4816 và 4818 của Biểu thuế suất thuế nhập khẩu hiện hành, có thuế suất thuế nhập khẩu từ 10% trở lên.

13- Đồ vệ sinh (chậu rửa, bồn tắm, bệ xí, bệ tiểu, vòi nước và phụ kiện của chúng), gạch

14- Kính tấm xây dựng

15- Sắt thép các loại, cấu kiện bằng nhôm

16- Bếp gas

17- Đồ điện các loại, gồm:

+ Máy bơm nước

+ Quạt điện

+ Máy điều hoà nhiệt độ và linh kiện

+ Tủ lạnh và bộ linh kiện

+ Máy giặt và linh kiện

+ Bình đun nước nóng

+ Nồi cơm điện

+ Máy hút bụi

+ Loa các loại

+ Ampli

+ Radio, cassette, dàn cassette và bộ linh kiện

+ Đầu đọc đĩa CD và bộ linh kiện

+ Đầu đọc đĩa hình (LD) và bộ linh kiện

+ Ti vi và bộ linh kiện

+ Đầu video và bộ linh kiện

+ Bàn là

18- Ấm quy, pin

19- Ô tô và bộ linh kiện

20- Xe máy và bộ linh kiện

21- Bàn, ghế, giường, tủ các loại

**BẢNG GIÁ MUA TỐI THIỂU LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH GIÁ
TÍNH THUẾ NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 918 TC/QĐ/TCT ngày 11/11/1997
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Tên hàng	Đơn vị tính	Giá tính thuế (USD)
1	2	3
Nhóm 1: Sữa bột, sữa đặc, sữa tươi		
* Sữa tươi không đường, không pha hương liệu	lít	0,50
* Sữa tươi đã pha thêm đường và hương liệu	-	0,75
* Sữa bột nguyên liệu (instan whole milk powder)	kg	1,60
* Sữa đặc có đường các hiệu Nestle, Longvigety...	kg	1,08
Sữa bột đã đóng hộp:		
- Các nước G7, Hà Lan, úc, Đan Mạch sản xuất	kg	4,50
- Các nước Asean, Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc sản xuất	kg	4,00